TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU ĐỨC** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27-7-2018
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Trọng Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Hạnh.
2. Ông Trần Văn Hoa.

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

***-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa*:** Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Diệu D, sinh năm 1991.

HKTT: Tổ 02, thôn PhA, xã ĐB, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 07, ấp ThN, xã ThH, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1990.
Địa chỉ: Tổ 02, thôn PhA, xã ĐB, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

(Chị D có mặt tại phiên tòa, anh Ch vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn, chị Trần Thị Diệu D, trình bày: Sau khi tìm hiểu nhau được hơn 06 tháng thì chị D và anh Ch mới đi đến hôn nhân. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 7 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã ĐB, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với gia đình chồng. Thời gian đầu sau khi sống chung giữa vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã nhau, bên cạnh đó anh Ch cũng không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Vì cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên đến tháng 6-2017 chị D dẫn theo con chung về nhà cha mẹ ruột ở tỉnh Kiên Giang để sinh sống cho đến nay. Nay, chị D yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Chị D xin được ly hôn với anh Ch.

Về nuôi con chung: Chị D và anh Ch có 01 người con chung là Nguyễn Văn V, sinh ngày 05-02-2013. Chị D xin được quyền nuôi dưỡng cháu V và không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình làm việc, bị đơn anh Nguyễn Văn Ch trình bày: Anh Ch thống nhất với trình bày của chị D về thời gian, điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống với gia đình anh Ch. Thời gian đầu sau khi sống chung giữa vợ chồng đã có mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã nhau. Anh Ch cũng đã cố gắng làm việc để lo cho cuộc sống gia đình nhưng chị D luôn cho rằng anh Ch sống không có trách nhiệm với gia đình. Đến tháng 6-2017 thì chị D dẫn theo con chung về nhà cha mẹ ruột ở tỉnh Kiên Giang để sinh sống cho đến nay. Trong thời gian này thì anh Ch có xuống thăm con và cũng muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng chị D không có thiện chí. Anh Ch xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn. Nếu chị D vẫn cương quyết ly hôn thì đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Văn V, sinh ngày 05-02-2013 cho chị D được quyền nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Chị D và anh Ch không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng*:* Chị D và anh Ch sống chung với nhau có đăng ký kết hôn, nay chị D yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nơi cư trú của anh Ch là xã ĐB, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị D và anh Ch trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 26 tháng 7 năm 2012 tại UBND xã ĐB, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Thời gian đầu sau khi kết hôn thì cuộc sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã. Vào năm 2016, chị D đã khởi kiện ra Tòa án để xin ly hôn nhưng sau đó đã rút yêu cầu khởi kiện vì muốn vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức đã đình chỉ giải quyết vụ án theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 40/2016/QĐTS-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2016. Sau khi trở về sống chung do cuộc sống vợ chồng vẫn không có hạnh phúc nên từ tháng 6-2017 chị D dẫn theo con chung về nhà cha mẹ ruột ở tỉnh Kiên Giang để sinh sống và từ đó vợ chồng cũng ly thân. Trong thời gian ly thân thì chị D và anh Ch đã tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không có kết quả. Ngày 07 tháng 5 năm 2018, chị D và anh Ch đã đồng ý thuận tình ly hôn nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức đã lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành do các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Đến ngày 11 tháng 5 năm 2018, anh Ch có đơn thay đổi ý kiến với lý do cần thời gian để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng anh Ch vẫn không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng còn chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn. Mặt khác Tòa án đã triệu tập anh Ch hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt thể hiện anh Ch không có thiện chí hàn gắn cùng nhau nuôi dạy con chung. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh Ch ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị D được ly hôn với anh Ch.

[3] Về nuôi con chung: Chị D và anh Ch có 01 người con chung là Nguyễn Văn V, sinh ngày 05-02-2013. Xét thấy từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, thì

chị D là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu V nên cần áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu V cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng; Ghi nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về chia tài sản chung: Chị D và anh Ch không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị D phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (DSST) đối với yêu cầu ly hôn.

Anh Nguyễn Văn Ch đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227 BLTTDS năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điều 39 Bộ Luật dân sự.

Căn cứ: Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Diệu D và anh Nguyễn Văn Ch.

2. Về nuôi con chung: Chị Trần Thị Diệu D và anh Nguyễn Văn Ch có 01 người con chung là Nguyễn Văn V, sinh ngày 05-02-2013;

Giao con chung Nguyễn Văn V, sinh ngày 05-02-2013 cho chị Trần Thị Diệu D trực tiếp nuôi dưỡng; Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị Diệu D không yêu cầu anh Nguyễn Văn Ch cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Văn Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Trần Thị Diệu D phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) mà chị D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2017/00002051 ngày 19 tháng 4 năm 2018; Chị Trần Thị Diệu D đã nộp xong án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi gởi:
- TAND Tỉnh BR- VT;
- VKSND H.CĐ;
- Các Đương sự;
- THADS H.CĐ;
- UBND xã ĐB;
- lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

ĐÀO TRỌNG HẢI